Trần Thị Ninh (2024). Tổng quan phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. *Tạp chí nghiên cứu Chính sách và Phát triển,* 01(2024), 147-155

Tạp chí Nghiên cứu Chính sách và Phát triển

© Học viện Chính sách và Phát triển 2024
© CSR,2024

Bài báo khoa học

Tổng quan phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

Trần Thị Ninh (ThS)
Học viện Chính sách và Phát triển
Email: tranthininh@apd.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/03/2024
Bản sửa lại lần 1: 25/04/2024
Ngày duyệt bài: 05/05/2024

Mã số: TC140124

Tóm tắt:

Chuyển đổi từ nền kinh tế tuyến tính sang nền kinh tế tuần hoàn (KTTH) là một xu hướng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới trong những năm gần đây. Để tổng quan về phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam và đề xuất, kiến nghị để thực hiện KTTH tại Việt Nam trong thời gian tới tác giả bài viết đã sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu và phân tích dữ liệu thu thập được từ các văn bản pháp luật, chính sách của nhà nước; sách báo; các báo cáo cũng như những nghiên cứu có liên quan tới KTTH. Bài viết đã đề cập đến các vấn đề như: khái niệm, nguyên tắc và lợi ích của KTTH; Quan điểm, mục tiêu, chính sách và các mô hình KTTH ở Việt Nam; Những hạn chế, bất cập trong phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị để thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: *Kinh tế tuần hoàn, kinh tế tuyến tính, mô hình*

Abstract:

Transitioning from the linear economy to the circular economy has been a strong trend in many countries around the world in recent years. To overview the development of the circular economy in Vietnam and propose and recommend implementing a circular economy in Vietnam in the coming time, the author of the article used secondary data collection methods and research. Research and analyze data collected from legal documents and state policies, books, newspapers, reports, and research related to the economy. The article mentioned concepts, principles, and benefits of the circular economy, as well as perspectives, goals, policies, and models of the circular economy in Vietnam. The limitations and inadequacies in developing a circular economy in Vietnam have led to some suggestions and recommendations for implementing a circular economy in Vietnam in the near future.

Keywords: *Circular economy; linear economy, model*

1. Mở đầu

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Thế giới không thể tiếp tục phát triển với mô hình kinh tế tuyến tính (là tế

tuyến tính (là mô hình phát triển kinh tế dựa trên quá trình khai thác, sản xuất, tiêu dùng và cuối cùng thải loại ra môi trường) do nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên của Thế giới sẽ tăng gấp ba lần so với hiện nay, vượt quá khả năng cung ứng tài nguyên của Trái đất và lượng chất thải sẽ vượt quá giới hạn chịu tải của môi trường. Từ thực tế đó, yêu cầu cấp bách phải tìm ra một mô hình kinh tế hiệu quả, bền vững hơn về sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm ô nhiễm, suy thoái môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH). Mô hình kinh tế tuần hoàn ra đời đã đáp ứng được các yêu cầu trên nên chuyển đổi từ nền kinh tế tuyến tính sang nền KTTH là một xu hướng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Việt Nam dù đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và BĐKH. Do vậy, việc chuyển dịch từ kinh tế tuyến tính sang KTTH là xu thế phát triển tất yếu, là một hướng đi quan trọng góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng an ninh.

KTTH đang được xem là một đòn bẩy quan trọng để đạt được các mục tiêu quan trọng của các nhà hoạch định chính sách như tạo ra tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và giảm tác động môi trường, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển các mô hình KTTH để sử dụng hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất là một trong những nhiệm vụ được chỉ ra nhằm thực hiện định hướng quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường (BVMT) và ứng phó BĐKH của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện KTTH có thể xem là một trong những giải pháp đột phá để giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường trong bối cảnh phát triển công nghiệp, đô thị, thay đổi mạnh mẽ về cách thức tiêu dùng và lối sống.

Bài viết đề cập đến tổng quan về kinh tế tuần hoàn; phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam và đề xuất, kiến nghị để thực hiện KTTH tại Việt Nam trong thời gian tới. Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu và phân tích dữ liệu thu thập được từ các văn bản pháp luật, chính sách của nhà nước; sách báo; các báo cáo cũng như những nghiên cứu có liên quan tới KTTH.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về kinh tế tuần hoàn

2.1.1. Khái niệm kinh tế tuần hoàn

Khái niệm KTTH được sử dụng chính thức đầu tiên bởi Pearce và Turner (1990). Nó được dùng để chỉ mô hình kinh tế mới dựa trên nguyên lý cơ bản "mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác", hoàn toàn không giống với cách nhìn của nền kinh tế tuyến tính

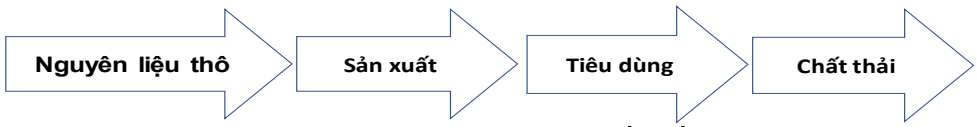

Chu trình vận động của mô hình kinh tế tuyến tính

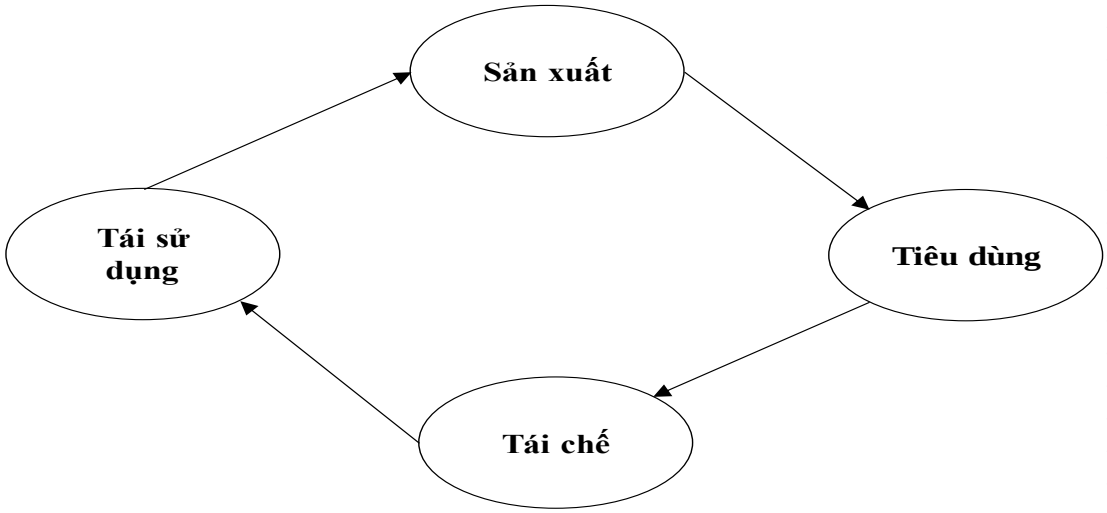

Chu trình vận động của mô hình kinh tế tuần hoàn

Quỹ Ellen MacArthur (2013): Định nghĩa KTTH được trích dẫn thường xuyên nhất là định nghĩa do Quỹ Ellen MacArthur đưa ra: KTTH là một hệ thống có tính tái tạo và khôi phục thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm "kết thúc vòng đời" của vật liệu bằng khái niệm khôi phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh trong phạm vi của nó.

Sauvé và cộng sự (2016): Định nghĩa nền KTTH đề cập đến "sản xuất và tiêu thụ hàng hóa thông qua các dòng vật chất chảy theo vòng lặp khép kín, các dòng vật chất này nội tại hóa các yếu tố ngoại tại của môi trường liên quan đến việc khai thác tài nguyên nguyên chất và tạo ra chất thải (bao gồm cả ô nhiễm)". Trọng tâm chính của nền KTTH là giảm tiêu thụ tài nguyên, ô nhiễm và chất thải trong mỗi bước của chu kỳ sống của sản phẩm.

2.1.2. Lợi ích của kinh tế tuần hoàn

Marino Cavallo và cộng sự (2018) dẫn nhiều nguồn khác nhau và cho biết KTTH có các lợi ích sau đây:

Một là, tăng trưởng kinh tế: nền KTTH sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng.

Hai là, tạo ra một hệ thống kinh tế tốt hơn với sự hợp tác giữa các công ty: KTTH là một hình thức kinh tế hợp tác hơn, tập trung vào tiện ích chứ không phải sản phẩm quá nhiều, do đó sẽ dẫn đến tập trung vào chức năng và cách sử dụng của nó. KTTH là nền kinh tế trong đó chất thải của một quá trình sản xuất và tiêu dùng được luân chuyển như một phần mới trong cùng một quá trình hoặc một quá trình khác. Tất cả điều này chắc chắn dẫn đến sự hợp tác nhiều hơn không những giữa các công ty, mà còn giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu và chính các công ty để tìm ra các giải pháp hoạt động mới. Các công ty không thể chỉ nghĩ về hoạt động kinh doanh của họ mà họ phải đánh giá tác động của các hành động của họ tới môi trường.

Ba là, cải tiến sản phẩm và tiết kiệm chi phí sản xuất: KTTH tập trung vào các sản phẩm có thời hạn sử dụng lâu hơn, được phát triển để nâng cấp, chống lão hóa và sửa chữa, xem xét các chiến lược như thiết kế bền vững. Các sản phẩm, vật liệu và hệ thống

khác nhau, với nhiều liên kết và biện pháp có khả năng phục hồi tốt hơn khi đối mặt với các cú sốc bên ngoài.

Bốn là, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp: Kéo dài thời gian sử dụng có năng suất của nguyên vật liệu, tái sử dụng và tăng hiệu quả của nó dẫn đến tăng khả năng cạnh tranh cho các công ty hoạt động theo cách này. Các công ty thực hiện KTTH có lợi thế cạnh tranh quan trọng so với các đối thủ cạnh tranh. Người tiêu dùng ngày càng nhận thức được sản phẩm được tạo ra như thế nào và tác động của nó đến môi trường xung quanh. Vì vậy, người tiêu dùng thích mua sản phẩm tiêu dùng theo KTTH hơn là Kinh tế tuyến tính.

Năm là, giảm tác động đến môi trường: nhiều loại tài nguyên có thể sẽ cạn kiệt trong vòng 50 - 100 năm; vào năm 2050, hơn 40% dân số thế giới (gần 4 tỷ người) sẽ sống trong các khu vực bị thiếu nước trầm trọng. Sự can thiệp của con người, chẳng hạn như sự gia tăng khí nhà kính và việc sử dụng phân bón trong trồng trọt, đang đe dọa các kho chứa hấp thụ của hành tinh như rừng, khí quyển, đại dương. Sau đó là vấn đề chất thải, nếu tiếp tục với mô hình tăng trưởng như hiện nay, đến năm 2025, rác thải đô thị sẽ tăng trên 75% và rác thải công nghiệp là 35%. Đến nay, mỗi năm thế giới tạo ra 11 tỷ tấn chất thải. KTTH sẽ làm giảm nhẹ các tác động tương tự của nền kinh tế đến môi trường.

Sáu là, tạo việc làm: Áp dụng KTTH sẽ dẫn đến đóng cửa một số dây chuyền sản xuất hoặc dịch vụ và mở cửa những dây chuyền khác. Tuy nhiên, sự cân bằng trở lại là khả quan: theo đánh giá của Ủy ban châu Âu, chỉ tính riêng trong lĩnh vực quản lý chất thải cũng có thể tạo ra 178.000 việc làm trực tiếp mới vào năm 2030. Con số này nói chung có thể tăng lên đến 580,000 việc làm.

Bảy là, thuận lợi cho các gia đình: Một báo cáo của Quỹ Ellen MacArthur cũng đã cố gắng định lượng các khoản tiết kiệm thu được từ việc thực hiện KTTH. Điều này sẽ tạo ra sự tiết kiệm dưới dạng chi phí thấp hơn cho các nguồn lực chính, những chi phí liên quan đến việc sử dụng sản phẩm (ví dụ, để bảo dưỡng xe, nếu chúng được chia sẻ) và những chi phí liên quan đến các tác động bên ngoài như tắc nghẽn và khí thải nhà kính, cần được giảm mạnh. Báo cáo cho thấy rằng khoản tiết kiệm sẽ tích lũy chủ yếu ủng hộ các gia đình, những người sẽ được hưởng trung bình 11% thu nhập khả dụng nhiều hơn nhờ vào hiệu quả của nền KTTH. Điều này sẽ cho phép tăng chi tiêu ít nhất 7% GDP vào năm 2030 [8].

2.1.3. Nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn

Vasileios Rizos và cộng sự (2017) đã tổng kết các nghiên cứu khác nhau trên thế giới và đưa ra 3 nguyên tắc cơ bản của KTTH, đó là: Sử dụng ít tài nguyên sơ cấp hơn; Duy trì giá trị cao nhất của nguyên liệu và sản phẩm; Thay đổi mô hình sử dụng sản phẩm.

Một là, sử dụng ít tài nguyên sơ cấp hơn. Để bảo đảm nguyên tắc này cần thực hiện các quy trình: tái chế, sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn, tận dụng các nguồn năng lượng có thể tái tạo.

Hai là, duy trì giá trị cao nhất của nguyên liệu và sản phẩm. Nguyên tắc này có thể được bảo đảm bằng các quy trình: tái sản xuất, tân trang và tái sử dụng các sản phẩm, linh kiện và gia hạn tuổi thọ sản phẩm.

Ba là, thay đổi mô hình sử dụng sản phẩm. Nguyên tắc này được bảo đảm bằng các mô hình: sản phẩm như dịch vụ, chia sẻ sử dụng, thay đổi mô hình tiêu dùng [8].

2.2. Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Khái niệm liên quan đến mô hình KTTH đã có ở Việt Nam từ cách đây 20 năm với những cách gọi khác. Đó là mô hình VAT (Vườn – Ao – Chuồng), "khu công nghiệp sinh thái", "sản xuất sạch hơn", "Không phát thải",…Hiện nay, thuật ngữ KTTH ở nước ta được hiểu là một mô hình tổ chức hoạt động kinh tế hiện đại có tính khép kín và liên hoàn của nhiều đơn vị sản xuất gắn kết với nhau trên nguyên tắc "mọi thứ đều là đầu vào của sản phẩm khác", tận dụng hiệu quả dịch vụ kết nối

(tài chính, logistics, công nghệ thông tin và truyền thông), hướng tới liên kết sản xuất có tính tuần hoàn nhằm: tiết kiệm chi phí sản xuất và tối ưu hóa giá trị gia tăng trên cơ sở giảm thiểu chất thải trong quá trình sản xuất, hợp lý hóa quy trình đầu vào – đầu ra của các quy trình gắn với đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người lao động, sản xuất và sử dụng hợp lý các dạng năng lượng tái tạo trong sản xuất, và phục hồi tài nguyên có thể tái tạo được, thúc đẩy tiêu dùng bền vững, giảm phát thải và góp phần chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

2.2.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

2.2.1.1. Quan điểm phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Quan điểm phát triển KTTH ở Việt Nam đã được xác định là:

- Chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH) là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển KTTH phải dựa trên cách tiếp cận mở, hướng nhiều hơn đến tạo dựng không gian và thuận lợi cho phát huy hiệu quả kinh tế, trên cơ sở tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm huy động và sử dụng hiệu quả tri thức nhân loại, các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, các nguồn lực cần thiết từ khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài.

- Phát triển KTTH cần bảo đảm khẩn trương, thực chất, hiệu quả, khả thi, có kế thừa những thực tiễn tốt ở các nước và trong nước, và mạnh dạn thử nghiệm trong các lĩnh vực cụ thể, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tập trung ban hành các chính sách dài hạn nhằm khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển KTTH, gắn với lộ trình, kết quả cụ thể, đồng thời hoàn thiện cơ sở pháp lý vững chắc và tạo dựng sự linh hoạt, chủ động nhằm sớm phát huy mô hình KTTH theo cấp độ phù hợp ở các ngành, lĩnh vực, địa phương; tránh áp dụng rập khuôn, đồng nhất KTTH cho toàn bộ nền kinh tế.

- Phát triển KTTH bền vững trên cơ sở nâng cao nhận thức, sự chủ động, phát huy đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường [1].

2.2.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

a. Mục tiêu tổng quát

Phát triển KTTH nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước các cú sốc từ bên ngoài, nhằm góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

b. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần cụ thể hóa mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về "0" vào năm 2050.

- Tăng cường nhận thức, sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và

ngoài nước đối với mô hình KTTH; đẩy mạnh ứng dụng mô hình KTTH thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế. Đến năm 2025, các dự án KTTH bước đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tăng cường tỷ lệ tái chế rác thải, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu. Đến năm 2030, các dự án KTTH trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo, và trong tăng cường tỷ lệ che phủ rừng.

- Mô hình KTTH hỗ trợ xây dựng lối sống xanh, khuyến khích phân loại rác thải và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Đến năm 2025, tái sử dụng, tái chế, xử lý 85% lượng chất thải nhựa phát sinh; giảm thiểu 50% rác thải nhựa trên biển và đại dương so với giai đoạn trước đây; giảm dần mức sản xuất và sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt. Tăng đáng kể năng lực tái chế rác thải hữu cơ ở đô thị và nông thôn. Nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân trong sản xuất, tiêu thụ, thải bỏ chất thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt. Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình KTTH đạt 50%; 100% rác thải hữu cơ ở đô thị và 70% rác thải hữu cơ ở nông thôn được tái chế; không làm phát sinh việc chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt từ các mô hình KTTH ở đô thị; tối đa hóa tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định ở các khu đô thị.

- Mô hình KTTH góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực, cải thiện năng suất lao động và thu nhập của người lao động từ KTTH [1].

2.2.2. Chính sách, pháp luật có liên quan đến thực hiện KTTH

Nhận thức rõ được yêu cầu đặt ra cho phát triển bền vững, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH, Việt Nam đã ban hành những chủ trương, chính sách và quy định pháp luật để thúc đẩy xây dựng, phát triển KTTH. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ban hành kèm theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 đã khẳng định "khuyến khích phát triển mô hình KTTH để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất". Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và nhiều Nghị quyết khác được Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành gần đây cũng đề cập trực tiếp đến việc cụ thể KTTH vào các ngành, lĩnh vực hoặc vùng cụ thể của đất nước.

KTTH đã được quy định cụ thể trong Luật BVMT năm 2020, đây một bước tiến quan trọng trong việc pháp lý hóa các chính sách môi trường. Điều 142 của Luật BVMT đã quy định riêng về KTTH, theo đó KTTH tại Việt Nam là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Điều này nhấn mạnh mục tiêu giảm thiểu tác động môi trường và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên. Tại khoản 11 Điều 5 của Luật BVMT năm 2020 nhấn mạnh việc tích hợp, thúc đẩy các mô hình KTTH, kinh tế xanh trong quá trình xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT - XH. Điều này cho thấy sự cam kết của Nhà nước trong việc hỗ trợ và tăng cường các hoạt động KTTH thông qua chính sách.

Đặc biệt Đề án "Phát triển KTTH ở Việt

Nam" đã được thông qua tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 7/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đã khẳng định chủ động phát triển KTTH là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quyết định số 687/QĐ-TTg cũng đề ra các nhiệm vụ giải pháp cụ thể, có tính "dài hơi" mà các bộ, ngành cần phải thực hiện đồng bộ, trong đó có: (i) Rà soát, hoàn thiện khung chính sách và pháp lý nhằm tạo điều kiện cho phát triển KTTH; (ii) Tăng cường đối thoại công – tư về phát triển KTTH, trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; (iii) Có cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng đầu tư, phát triển nguồn nhân lực trong phát triển KTTH; (iv) Hài hòa hóa các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ mô hình KTTH; Trao đổi, phối hợp với các đối tác nhằm tạo thuận lợi thương mại, công nhận lẫn nhau cho các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ từ mô hình KTTH.

Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH đang lấy ý kiến của các bên có liên quan. Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH quy định cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, để thúc đẩy, khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp sớm thử nghiệm các ý tưởng, sáng kiến kinh tế tuần hoàn, đồng thời đóng góp vào quá trình chuyển đổi xanh, phục hồi xanh ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, việc tổng kết thi hành Nghị định sẽ tạo điều kiện, căn cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện khung khổ pháp lý cho kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Các lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp; Năng lượng; Vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, nhiều công cụ chính sách quan trọng có vai trò điều chỉnh hành vi của người sản xuất, tiêu dùng trong nền kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường sẽ góp phần thúc đẩy thực hiện KTTH một cách toàn diện, hiệu lực và hiệu quả. Đặc biệt, để cụ thể hóa nhiệm vụ được giao về xây dựng lộ trình thực hiện KTTH trong Luật BVMT, đồng thời đảm phù hợp với thông lệ chung của quốc tế, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH.

2.2.3. Một số mô hình kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

Xem xét từ bản chất, nội hàm, quá trình hình thành và phát triển để khái quát hóa mô hình kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam có thể nhận thấy hiện nay chúng ta chưa có mô hình kinh tế tuần hoàn, tuy nhiên những mầm mống hình thành và nhìn nhận từ động lực kinh tế từ trước đến nay, những mô hình gần với kinh tế tuần hoàn đã có khá sớm, xét theo lĩnh vực ngành có thể chia thành các mô hình như sau:

a. Đối với ngành nông nghiệp

- Mô hình vườn – ao – chuồng (VAC), vườn – rừng – ao – chuồng (VRAC) từ những thập niên 70-80 của thế kỷ XX, mô hình kinh tế sinh thái từ những thập niên 90-2000. Những mô hình này là sự kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi theo dạng chuỗi thức ăn, sau này đến sau năm 2000 bổ sung thêm thu hồi khí từ vật nuôi dạng hầm Biogas.

b. Đối với ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Sự xuất hiện nay tại các làng nghề truyền thống ở Việt Nam sử dụng các phế liệu, phụ phẩm , chất thải từ chất thải sản xuất công nghiệp: Sản xuất thép tái chế-Đa Hội Bắc Ninh, sản xuất giấy tái chế Dương Ổ-Bắc Ninh, sản xuất đồ nhựa, nilon tái chế Minh Khai-Hưng Yên, Làng nghề đúc đồng từ phế liệu đồng ở Ý Yên-Nam Định, thủy tinh tái chế …xuất hiện sớm và nay vẫn tồn tại và phát triển.

- Sản xuất sạch hơn đã được triển khai

trong các doanh nghiệp và đem lại hiệu quả nhất định đối với các doanh nghiệp có công nghệ cũ sử dụng lãng phí tài nguyên, năng lượng và xả thải trực tiếp ra môi trường.

c. Đối với ngành dịch vụ, du lịch

- Dịch vụ thu gom phế liệu, phế thải có giá trị đầu vào cho tái sử dụng, tái chế như sắt thép và kim loại khác đã có từ rất sớm, thu gom tóc rối lông gà lông vịt,…

- Dịch vụ xử lý rác thải theo công nghệ mới như công nghệ chân không để tạo ra các nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp tư nhân, công nghệ đốt phát điện, công nghệ ủ rác thu hồi khí metan.

- Trong lĩnh vực thương mại, xuất hiện giảm thiểu chất thải nhựa, túi nilon thay thế sản phẩm dễ phân hủy và sử dụng nhiều lần.

- Trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng việc thu gom chất thải thức ăn dư thừa để bán lại cho cơ sở chăn nuôi hoặc chế biến phân bón hữu cơ có thể được xem tiếp cận kinh tế tuần hoàn.

Nhìn nhận các mô hình thuộc ba nhóm ngành kinh tế gần với kinh tế tuần hoàn cho thấy, Việt Nam mới dừng lại ở tái sử dụng, tái chế chất thải mang lại lợi ích về tài chính cho cơ sở sản xuất và tiêu dùng, chưa mang lại lợi ích kinh tế nên chính hoạt động của các mô hình đó có thể gây ra ô nhiễm và suy thoái môi trường [6]

2.3. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

2.3.1. Cần nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và phát triển thực hành tốt về thực hiện KTTH đối với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

(i)Truyền thông, phổ biến kiến thức, pháp luật, nhân rộng các thói quen và thực hành tốt về thực hiện KTTH; (ii) Lồng ghép các nội dung giáo dục về KTTH vào chương trình giáo dục các cấp học, bậc học, bồi dưỡng cán bộ; (iii) Xây dựng, vận hành nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu về áp dụng mô hình KTTTH.

2.3.2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thực hiện KTTTH

(i) Tổ chức Ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện KTTH; (ii) Tổ chức xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động, lồng ghép KTTHT vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý chất thải của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương; (iii) Hoàn thiện các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện KTTH.

2.3.3. Hỗ trợ thúc đẩy áp dụng KTTH trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng

(i) Hỗ trợ thúc đẩy thiết kế sinh thái, thiết kế bền vững để thực hiện KTTH; (ii) Hỗ trợ phát triển các mô hình kinh doanh tuần hoàn, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp trong thực hiện KTTH; (iii) Áp dụng đổi mới sáng tạo, công nghệ số để thực hiện KTTH; (iv) Tạo dựng và phát triển thị trường cho các hàng hóa, dịch vụ liên quan đến KTTH; (v) Thực hiện KTTH trong hoạt động tiêu dùng.

2.3.4. Thực hiện quản lý chất thải để thực hiện KTTH

(i) Thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình quản lý chất thải theo vùng, miền và địa phương; (ii) Thúc đẩy áp dụng KTTH trong quản lý chất thải; (iii) Thúc đẩy đầu tư, hỗ trợ quản lý chất thải để thực hiện KTTH.

2.3.5. Tăng cường liên kết, hợp tác, giám sát, đánh giá thực hiện KTTH

(i) Tăng cường liên kết, hợp tác trong thực hiện KTTH; (ii) Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu, công cụ hỗ trợ đo lường, đánh giá thực hiện KTTH; (iii) Triển khai, thực hiện, giám sát thực hiện KTTH.

3. Kết luận

Việc chuyển đổi từ kinh tế tuyến tính sang KTTH đang trở thành xu hướng chung trên toàn Thế giới và là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được ưu tiên trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia. Nhiều quốc gia đã thành công trong việc phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn và thu được nhiều lợi ích, là tiền đề quan trọng để hướng đến mục tiêu tăng

trưởng xanh bền vững. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó.

Việt Nam cũng có nhiều cơ hội xong cũng có không ít thách thức khi thực hiện KTTH. Điều quan trọng nhất hiện nay là Việt Nam phải quyết tâm và tư duy mở hướng mạnh mẽ tới khía cạnh "kinh tế" trong KTTH, từ đó mới có cách tiếp cận nền KTTH một cách tổng thể nhất, trên bình diện quốc gia, với một hệ thống khung khổ pháp lý hoàn chỉnh để đạt được một hệ thống chính sách hoàn thiện. Phát triển KTTH không thực hiện đồng nhất cho cả nền kinh tế, mà cần có những lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm. Nên thử nghiệm ở một số lĩnh vực như: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp; Năng lượng tái tạo; Vật liệu xây dựng là những lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên cũng như tạo ra nhiều chất thải ra ngoài môi trường đồng thời với những lĩnh vực này chúng ta đã có kinh nghiệm trong việc thực hiện các mô hình gần giống KTTH. Để thực hiện được hiệu quả KTTH rất cần có những cơ chế chính sách trong việc hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án KTTH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam đã được thông qua tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 7/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Luật BVMT năm 2020.

3. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH.

4. Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH (Dự thảo)

5. Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. PGS.TS.Nguyễn Thế Chinh và cộng sự (2019), "Các mô hình kinh tế tuần hoàn Việt Nam: Cơ hội định hướng phát triển". https://isponre.gov.vn/vi/news/doi-thoai/cac-mo-hinh-kinh-te-tuan-hoan-viet-nam-co-hoi-dinh-huong-phat-trien-1269.html

7. Nguyễn Thu Hương, (2023), "Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp tại Việt Nam - thực trạng và khuyến nghị", Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông Trường Đại học Công nghệ GTVT.

8. Cù Phúc Thành (2021), "Tổng quan tài liệu nghiên cứu Kinh tế tuần hoàn" .http://viennckt-ied.tueba.edu.vn/bai-viet/Tong-Quan-Tai-Lieu-Nghien-Cuu-Kinh-Te-Tuan-Hoan-107.html

9. Huỳnh Đặng Hà Uyên (2023), Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. https://ktcn.vhu.edu.vn/vi/tin-moi-1/kinh-te-tuan-hoan-trong-nong-nghiep.

10. Bianchi, F., Beek, C. V., Winter, D. D., & Lammers, E. (2020), "Opportunities and barriers of circular agriculture insights from a synthesis study of the Food & Business Research Programme. Food & Business Knowledge Platform".

https://www.nwo.nl/sites/nwo/files/documents/1.%20Circular%20agriculture_full%20paper.pdf.

11. Pearce, D., & Turner, R. K. (1990). Economics of natural resources and the environment. Baltimore: Johns Hopkins University Press.

12. Ellen MacArthur Foundation and McKinsey Center for Business and Environment (2015), Growth within: a circular economy vision for a competitive Europe.

13. Sauvé, S., Bernard, S. and Sloan, P. (2016) Environmental Sciences, Sustainable Development and Circular Economy: Alternative Concepts for Trans-Disciplinary Research. Environmental Development, 17, 48-56.

14. Rizos, Vasileios & Tuokko, Katja & Behrens, Arno, 2017. "The Circular Economy: A review of definitions, processes and impacts," CEPS Papers 12440, Centre for European Policy Studies.

15. https://iced.org.vn/khai-niem-kinh-te-tuan-hoan/